TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Dần
2. Ông Quách Hà Vính

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị S; Sinh năm: 2001
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Anh Bùi Thanh T; Sinh năm: 1987
Địa chỉ: Thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022 và bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Mạnh H, sinh ngày 19/07/2021. Ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Bùi Thanh T để nộp bản tự khai nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Bùi Thanh T; Về con chung: Giao cháu Bùi Mạnh H, sinh ngày 19/07/2021 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị S và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Bùi Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/11/2021 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, nên

thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, chị S và anh T đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này, đã được các cấp chính quyền xã Ng xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị S được ly hôn Bùi Thanh T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Xét thấy, cháu Bùi Mạnh H đang còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu Bùi Mạnh H, sinh ngày 19/7/2021 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

[7]. Về tài sản: Chị S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Mạnh H, sinh ngày 19/07/2021 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị S đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007849, ngày 31/10/2022. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lê Thị S và anh Bùi Thanh T. Chị S và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc